

**DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số ...../QĐ -TH ngày 28/06/2024 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Vĩnh Tiến - Cổ Am)

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>
<b>A</b>	<b>TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	0
<b>1</b>	<b>Học phí (nếu có)</b>	0
1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
1.2	Mức thu ....	
1.3	Tổng số thu trong năm	
1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	
1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Bổ sung chi lương	
	- Chi tăng cường cơ sở vật chất	
	- Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	- Chi khác	
1.7	Số dư cuối năm	
1.8	Dự kiến mức thu (2 năm học tiếp theo đối với GDMN; cả cấp học đối với GDPT và CSGD chuyên biệt; cả khóa học đối với GDTX)	
<b>2</b>	<b>Dạy thêm học thêm, học nghề (nếu có)</b> <i>(Mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)</i>	0
<b>2.1</b>	.....	
2.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
2.1.2	Mức thu .....	
2.1.3	Tổng số thu trong năm	
2.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
2.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	
2.1.6	Số chi trong năm	
	Trong đó: - Chi giáo viên giảng dạy và giáo viên phụ trách lớp học	
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo	
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác:.....	
2.1.7	Số dư cuối năm	
	.....	
<b>3</b>	<b>Tài trợ, hỗ trợ (nếu có: chi tiết theo từng công trình, dự án)</b>	
<b>3.1</b>	.....	
3.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	
3.1.2	Tổng số thu trong năm	
3.1.3	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	
3.1.4	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	
3.1.5	Số chi trong năm	
	Trong đó: - .....	
	- .....	
	- .....	

<sup>1</sup> Đối với đơn vị công lập phải gửi vào kho bạc nhà nước.

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán</b>
3.1.6	Số dư cuối năm	
	.....	
<b>4</b>	<b>Dịch vụ: Trưng giữ xe, căng tin, bán trú....</b> (Nếu có: Liệt kê các dịch vụ thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
<b>4.1.</b>	<b>Dịch vụ trưng xe</b>	
4.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
4.1.2	Mức thu : 15.000đ/tháng	
4.1.3	Tổng số thu trong năm	39.855.000
4.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm	39.855.000
4.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	39.855.000
4.1.6	Số chi trong năm	39.855.000
	Trong đó: - Chi cho người tham gia	31.884.000
	- Chi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước	3.985.500
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	3.985.500
	- Chi phúc lợi	
	- Chi khác: phí chuyển tiền	
4.1.7	Số dư cuối năm	0
<b>5</b>	<b>Liên kết giáo dục: Kỹ năng sống, Tiếng Anh tăng cường, Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài, Tin học...(Nếu có: Liệt kê các nội dung liên kết giáo dục được thực hiện tại đơn vị, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây</b>	
<b>5.1</b>	<b>Học tiếng Anh tăng cường</b>	
5.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.1.2	Mức thu /tiết/học sinh	9.000
5.1.3	Tổng số thu trong năm học 2023-2024	156.825.000
5.1.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học 2023-2024	156.825.000
5.1.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	156.825.000
5.1.6	Số chi trong năm học 2023-2024	156.825.000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng giảng dạy với Công ty CP Phát Triển Giáo Dục GLOBALEDU Việt Nam.	125.460.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	5.655.775
	- Chi nộp thuế TNDN (2%)	627.300
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	19.603.125
	- Chi phúc lợi	5.393.000
	- Chi khác: phí chuyển tiền	85.800
5.1.7	Số dư cuối năm học 2023-2024	0
<b>5.2</b>	<b>Học kỹ năng sống</b>	
5.2.1	Số dư năm trước chuyển sang	0
5.2.2	Mức thu /tiết/học sinh	9.000
5.2.3	Tổng số thu trong năm học 2023-2024	156.825.000
5.2.4	Tổng kinh phí được sử dụng trong năm học 2023-2024	156.825.000
5.2.5	Số nộp vào kho bạc nhà nước/ngân hàng <sup>(1)</sup>	156.825.000
5.2.6	Số chi trong năm học 2023-2024	156.825.000
	Trong đó: - Chi theo hợp đồng giảng dạy với Công ty TNHH Giáo Dục và Đào Tạo Phát Triển Kỹ Năng Ánh Dương.	125.460.000
	- Chi khấu hao cơ sở vật chất	5.654.175
	- Chi nộp thuế TNDN (2%)	627.300
	- Chi công tác quản lý, chỉ đạo.....	19.603.125
	- Chi phúc lợi	5.355.000
	- Chi khác: phí chuyển tiền	125.400
5.2.7	Số dư cuối năm học 2023-2024	0

TT	Nội dung	Dự toán
<b>6</b>	<b>Thu hộ, chi hộ: BHYT, Đoàn, Đội, đồng phục, sách vở, .....</b> (Nếu có: Liệt kê các nội dung được thực hiện tại đơn vị theo số liệu thực tế, mỗi nội dung thực hiện theo bảng kê dưới đây)	
<b>6.1</b>	<b>Quỹ Vòng tay bè bạn</b>	
6.1.1	Số dư năm trước chuyển sang	1.368
6.1.2	Số học sinh 592	
6.1.3	Mức thu : Tiết kiệm tiền 1.000đ/1 tuần/học sinh	21.312.000
6.1.4	Tổng thu năm học 2023-2024	21.312.000
6.1.5	Đã chi năm học 2023-2024	21.313.000
6.1.6	Dư cuối kì năm học 2023-2024	368
<b>6.2</b>	<b>Quản lý học sinh ngoài giờ</b>	
6.2.1	Số học sinh 592	
6.2.2	Mức thu : Kì I: 7.000đ/tiết; Kì II: 10.000đ/tiết	
6.2.3	Tổng thu năm học 2023-2024	638.470.000
6.2.4	Đã chi năm học 2023-2024	638.470.000
6.2.5	Dư	0
<b>6.3</b>	<b>Hỗ trợ CSVC điện nước 2 buổi/ngày</b>	
6.3.1	Số học sinh 592	
6.3.2	Mức thu : 30.000đ/tháng	30.000
6.3.3	Tổng thu năm học 2023-2024	156.300.000
6.3.4	Đã chi năm học 2023-2024	156.300.000
6.3.5	Dư	0
<b>6.4</b>	<b>Kinh phí nước uống học sinh</b>	
6.4.1	Số học sinh 592	
6.4.2	Mức thu : 10.000đ/học sinh/tháng	
6.4.3	Tổng thu năm học 2023-2024	50.320.000
6.4.4	Đã chi năm học 2023-2024	50.320.000
6.4.5	Dư	0
<b>6.5</b>	<b>Kinh phí ăn bán trú</b>	
6.5.1	Số học sinh: 236	
6.5.2	Mức thu : 20.000đ/suất	
6.5.3	Tổng thu năm học 2023-2024	727.480.000
6.5.4	Đã chi năm học 2023-2024	727.480.000
6.5.5	Dư	0
<b>6.6</b>	<b>Kinh phí chăm sóc bán trú</b>	
6.6.1	Số dư đầu kì	770
6.6.2	Số học sinh: 236	
6.6.3	Mức thu : 100.000đ/học sinh/tháng	
6.6.4	Tổng thu năm học 2023-2024	197.710.300
6.6.5	Đã chi năm học 2023-2024	197.710.489
6.6.6	Dư	581
<b>6.7</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất bán trú</b>	
6.7.1	Số học sinh: 52	
6.7.2	Mức thu : 200.000đ	
6.7.3	Tổng thu năm học 2023-2024	10.400.000
6.7.4	Đã chi năm học 2022-2023	10.400.000
6.7.5	Dư	0
<b>6.8</b>	<b>Kinh phí BHYT học sinh</b>	
6.8.1	Số học sinh: 564HS	
6.8.2	Mức thu : Theo công văn số 220/BHXH-BPT ngày 03/08/2023 về mức thu BHYT học sinh.	
6.8.3	Tổng thu năm học 2023-2024	395.992.280

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán</b>
6.8.4	Đã chi năm học 2023-2024	395.992.280
6.8.5	Dư	0
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp .....</b>	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi tham quan học tập	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
<b>III</b>	<b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>	
1	Học phí	
2	Học nghề	
3	Học Tiếng anh	
4	Học kỹ năng sống	
5	Trông giữ xe đạp	
6	.....	
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC</b>	
<b>I</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	
	Chi khác	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>7.533.974.644</b>

<b>TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Dự toán</b>
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.118.424.644
	Chi thanh toán cá nhân	6.781.069.775
	Chi Nghiệp vụ chuyên môn	282.342.219
	Chi mua sắm sửa chữa	18.900.650
	Chi khác	36.112.000
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	<b>415.550.000</b>
	Chi thanh toán cá nhân	
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	
	Chi mua sắm sửa chữa	415.550.000
	Chi khác	
<b>II</b>	<b>Nguồn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
	.....	
<b>C</b>	<b>MỨC THU NHẬP HÀNG THÁNG</b>	
1	Mức thu nhập của CBQL	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	190.437.268
	Mức bình quân (đ/người/năm)	140.420.548
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	111.099.300
2	Mức thu nhập của giáo viên	
	Mức cao nhất (đ/người/năm)	176.227.416
	Mức bình quân (đ/người/năm)	119.782.565
	Mức thấp nhất (đ/người/năm)	51.610.230
<b>D</b>	<b>MỨC CHI CHO HỌC SINH</b>	
<b>1</b>	Mức chi thường xuyên/học sinh (đ/hs/năm học)	
<b>2</b>	Mức chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm thiết bị (đ/hs/năm học)	

Vĩnh Tiến, ngày 28 tháng 06 năm 2024

NGƯỜI LẬP  
(Ký, ghi họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên và đóng dấu)



**Phạm Thị Vân Anh**

**Phạm Thị Hoi**

